TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2025/HS-PT
Ngày 24-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/9/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 535/2025/TLPT-HS ngày 25/6/2025, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy Bảo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 238/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Duy Bảo T sinh ngày 12/8/1991tại Bình ThuậnNơi cư trú: 04 T, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nghề nghiệp: Lao động tự dotrình độ học vấn: 12/12 giới tính: Nữdân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy S Lê Thị Lanbị cáo chưa có chồng, conTiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2023có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Đoàn Trọng Nghĩa L Luật sư của Văn phòng L4, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

Ngoài ra, còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và theo diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần S1 (gọi tắt là Công ty S1) địa chỉ số I L, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Vũ Huy H làm Giám đốc (người đại diện theo pháp luật), chuyên kinh doanh lĩnh vực nhập khẩu, phân phối trang thiết bị, vật tư nha khoa. Theo quy định của Công ty S1 thì chỉ anh Võ Hoàng N (Giám đốc kinh doanh của Công ty) mới được ký hợp đồng kinh tế với các khách hàng (theo Quyết định bổ nhiệm nhân sự số 02-2017/QĐBN-SEA ngày 01/01/2017). Trường hợp anh N bận công việc thì anh H (Giám đốc công ty) sẽ ký thay anh N.

Năm 2016, Nguyễn Duy Bảo T được Công ty cổ phần S1 tuyển dụng (theo Hợp đồng lao động số 04-16/HĐLĐ ngày 01/8/2016 và số 27/2018/HĐLĐ ngày 01/7/2018, không xác định thời hạn) với chức danh chuyên môn là nhân viên kinh doanh, được giao nhiệm vụ như giao dịch, tìm kiếm khách hàng, nhận đơn đặt hàng, thiết lập những mối quan hệ kinh doanh, tiếp xúc với khách hàng, lên dự thảo hợp đồng khi khách hàng đã đồng ý cơ bản, lập thủ tục ký kết hợp đồng, trực tiếp thực hiện, đốc thúc thực hiện hợp đồng, theo dõi quá trình thanh lý hợp đồng, hỗ trợ Phòng kế toán đôn đốc và thu hồi công nợ, chỉ xong trách nhiệm khi khách hàng đã thanh toán xong… lương chính thức là 06 triệu đồng/tháng cùng các chi phí, phụ cấp khác.

Quá trình làm việc tại Công ty S1, T quen biết với bác sĩ Nguyễn Hiếu T1 là Giám đốc của Công ty TNHH S1 (viết tắt là Nha khoa I-Dent) địa chỉ 1 H, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 4/2019, bác sĩ T1 có nhu cầu muốn mua trụ chân răng cấy ghép Implant nên T trực tiếp thương thảo với ông T1, thỏa thuận để ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-HCM/HDMBIPL/042019 ngày 26/4/2019, thể hiện nội dung Công ty S1 bán cho Nha Khoa I-Dent hàng hóa là 90 Trụ chân răng In-Kone® U, tổng giá trị **596.362.500** đồng, ông H (Giám đốc Công ty cổ phần S1) ký bên bán, đại diện Nha khoa I-Dent là ông Nguyễn Hiếu T1 ký bên mua. Sau khi ký kết hợp đồng, giao hàng thì Nha khoa I đã trả tiền công nợ các lần như sau:

1. Ngày 26/4/2019, thanh toán 120.000.000 đồng, do ông Chế Quang K, nhân viên Công ty Seadent thu và đã nộp về Công ty vào ngày 27/04/2019.

2. Ngày 05/6/2019, thanh toán 60.000.000 đồng, do Nguyễn Duy Bảo T đã thu từ chị Ngô Thị Kiều L1, nhưng không nộp về Công ty.

Đến đầu tháng 7/2019, ông T1 muốn ký thêm 01 hợp đồng mua bán hàng hóa bằng giá trị, số lượng hàng hóa giống với Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-HCM/HDMBIPL/042019 ngày 26/4/2019 để được hưởng khuyến mãi mỗi hợp đồng là 02 người được đi du lịch tại Pháp, T nói với ông T1 cần phải thanh toán đủ số tiền của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-HCM/HDMRTPT/042019 ngày 26/4/2019. Do đó, ngày 06/7/2019, ông T1 thanh toán 416.362.500 đồng cho T nhưng T không nộp số tiền trên về công ty. Đến ngày 08/7/2019, T chỉ nộp tiền mặt về công ty số tiền 118.545.000 đồng.

Qua 03 đợt thanh toán, Nha khoa I đã hoàn tất việc thanh toán giá trị Hợp đồng số 01-HCM/HDMBIPL/042019 ngày 26/4/2019 với số tiền là: 596.362.500 đồng, trong đó T đã thu 476.362.500 đồng nhưng chỉ nộp về công ty số tiền

118.545.000 đồng, chiếm đoạt số tiền **357.817.500 đồng.** Sau đó, T tự soạn thảo Biên bản thanh lý hợp đồng số 01-HĐMBIPL/072019/TLHĐ/NK ngày 10/7/2019 và giả chữ ký, chữ viết của anh Võ Hoàng N (Giám đốc kinh doanh của Công ty S1) mang đến cho ông T1 thể hiện việc 02 bên đã thanh toán đầy đủ tiền và hàng hóa cho nhau.

Thy báo cho anh N biết Nha khoa I muốn ký tiếp hợp đồng mua của Công ty I1 trụ chân răng In-Kone® Universal Implant giống như hợp đồng ngày 26/4/2019. Do anh N không biết việc T đã thu hết nợ của Hợp đồng ngày 26/4/2019 và làm giả Biên bản thanh lý hợp đồng để chiếm đoạt tiền công nợ nên yêu cầu T liên lạc với Nha khoa I, yêu cầu ký kết gộp chung hợp đồng ngày 26/4/2019 với Hợp đồng mới thành hợp đồng trị giá là 1.192.545.000 đồng, hàng hóa là 180 Trụ Implant, đồng thời yêu cầu T thu hồi hợp đồng ngày 26/4/2019. Thy đã soạn thảo Hợp đồng số 01-HCM/HDMBIPL/062019 ghi ngày 05/6/2019 và Phụ lục hợp đồng số 01-PL/HDMBIPL/062019 ngày 05/6/2019 (mỗi thứ 02 bản) trình cho anh N ký bên bán và mang đóng dấu nhưng không đưa hợp đồng này cho Nha khoa I mà giữ lại. Thy giả chữ ký của ông Nguyễn Hiếu T1 (Giám đốc Công ty S1) ký bên mua và giao cho chị Lê Nguyễn Thanh T2 kế toán Công ty S1 để theo dõi thực hiện.

Sau đó, T tiếp tục làm giả Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-NK/HĐMB/072019 ngày 01/7/2019 với nội dung Công ty S1 (do ông Võ Hoàng N làm đại diện) bán cho Nha khoa I-Dent 90 trụ chân răng I-Kone® Universal Implant, với tổng giá trị 596.362.500 đồng (theo như đề nghị của ông T1). Hợp đồng này T nhờ bộ phận kế toán đóng dấu bên bán trước rồi giả chữ ký anh N ký tên vào bên bán hàng. Sau đó, T mang 02 bản hợp đồng đến đưa cho ông T1, ông T1 ký vào 01 bản hợp đồng và đưa lại cho Bảo T, còn 01 bản hợp đồng còn lại thì ông T1 cất giữ.

Căn cứ trên hợp đồng đã ký, từ ngày 26/4/2019 đến ngày 03/4/2021 Công ty S1 đã giao đủ hàng hóa cho Nha khoa I-Dent. Sau khi ký hợp đồng ngày 01/7/2019, T tiếp tục thu tiền của Nha khoa I, cụ thể:

1. Ngày 06/7/2019, Thy thu số tiền 70.000.000 đồng từ ông T1 nhưng không nộp về Công ty.

2. Ngày 10/8/2019, T thu số tiền 65.000.000 đồng, do chị Đoàn Thị Lê Q (nhân viên lễ tân của Nha khoa I) nộp tiền. Ngày 16/8/2019, T chuyển khoản số tiền trên từ tài khoản của T đến tài khoản của Công ty S1.

3. Ngày 16/9/2019, T thu số tiền 65.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Kiều L1 (kế toán Nha khoa I) nhưng không nộp về Công ty.

4. Ngày 08/10/2019, T thu số tiền 65.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Kiều L1 (kế toán của Nha khoa S1) và cùng ngày T chuyển khoản 65.000.000 đồng về cho Công ty S2.

5. Ngày 09/11/2019, T thu số tiền 65.000.000 đồng từ chị Trần Thị Mỹ L2 (kế toán của Nha khoa I). Đến ngày 05/12/2019, T đã chuyển khoản số tiền 130.000.000 đồng cho Công ty S1.

6. Ngày 09/01/2020, T thu số tiền 65.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Kiều L1 (kế toán của Nha khoa I). Đến ngày 12/6/2020, T chuyển khoản lại cho Công ty S1 số tiền 50.000.000 đồng.

7. Ngày 25/02/2020, T thu số tiền 201.362.000 đồng từ chị Trần Thị Mỹ L2 (kế toán của Nha khoa I). Đến ngày 03/7/2020, T nộp lại tiền mặt cho chị Lê Nguyễn Thanh T2 (kết toán Công ty S1) số tiền 50.000.000 đồng.

Qua 07 lần thu tiền công nợ, T đã nhận của Nha khoa I tổng số tiền 596.362.000 đồng (theo hợp đồng ký ngày 01/7/20219), nhưng T chỉ nộp về Công ty S1 360.000.000 đồng, còn lại số tiền **236.362.000** đồng T chiếm đoạt.

Sau khi thu tiền, T sử dụng một sim số điện thoại rác, tạo tài khoản Zalo đặt tên "Ly", mạo danh chị Trần Thị Mỹ L2, kế toán của Nha khoa I-Dent để nhắn tin với ông Trần Bửu L3, kế toán công nợ của Công ty S1 thể hiện việc Nha khoa I xin chậm trả tiền nợ (trên thực tế T đã thu hết tiền nợ). Khi đối chiếu công nợ hàng tháng thì T sẽ báo với ông L3 số tiền Nha khoa I đã trả ít hơn so với thực tế T nhận. Thy tạo thêm một mail đặt tên: Kieuloan.idental@gmail.comvà đưa cho ông L3, nói với ông L3 đây là mail của Nha khoa I-Dent để ông L3 hàng tháng liên lạc, thu hồi công nợ. Khi ông L3 gửi mail để hỏi công nợ thì T sử dụng mail này, mạo danh chị Ngô Thị Kiều L1, kế toán của Nha khoa I-Dent để nhắn với ông L3 thể hiện việc Nha khoa I xin chậm trả tiền nợ.

Tổng cả 02 hợp đồng, T đã thu đầy đủ công nợ của Nha khoa I-Dent với số tiền là 1.072.724.500 đồng nhưng T chỉ nộp về Công ty S1 số tiền 478.545.000, còn 594.179.500 đồng T chiếm đoạt để sử dụng vào việc thành lập, duy trì hoạt động của Công ty cổ phần N1 do T làm giám đốc và tiêu xài cá nhân hết. Đến tháng 08/2020, anh H (Giám đốc Công ty S1) phát hiện sự việc và yêu cầu T nộp số tiền đã thu của Nha khoa I về Công ty. Tuy nhiên, T nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện nên ngày 23/12/2020, anh H làm đơn tố cáo T.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã thu giữ các hợp đồng mua bán hàng hóa, biên bản thanh lý hợp đồng giữa Công ty S1 và Nha khoa I do Thy giả chữ ký của anh Võ Hoàng N và ông Nguyễn Hiếu T1, các chứng từ phiếu thu có chữ ký, chữ viết của T và tiến hành trưng cầu giám định.

*Tại Bản kết luận giám định số: 3117/KLGĐ-TT ngày 24/6/2021 của Phòng K2, Công an Thành phố H kết luận:

1. Chữ ký mang tên Võ Hoàng N trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A4, A5 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Võ Hoàng N trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 (đã nêu ở mục II. 2) do cùng một người ký ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Võ Hoàng N trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Võ Hoàng N trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người ký ra hay không.

3. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên "Võ Hoàng Ngân" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Võ Hoàng N trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người viết ra hay không.

4. Chữ ký mang tên Nguyễn Hiếu T1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Nguyễn Hiếu T1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.

5. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Hiếu T1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A4, A5 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Nguyễn Hiếu T1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người ký ra hay không.

6. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên "Nguyễn Hiếu T1" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Nguyễn Hiếu T1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người viết ra hay không.

7. Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Duy Bảo T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A6 đến A8 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Duy Bảo T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M8 (đã nêu ở mục II. 2) do cùng một người ký, viết ra.

8. Chữ ký, chữ viết tên "B. Thy ", chữ viết nội dung trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A9 đến A17 (đã nếu ở mục III) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Duy Bảo T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M8 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký, viết ra.

9. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên "Võ Hoàng Ngân" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Nguyễn Duy Bảo T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M8 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người viết ra hay không.

10. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên "Nguyễn Hiếu T1" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Nguyễn Duy Bảo T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M8 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Hình dấu tròn có nội dung: "CÔNG TY CỔ PHẦN SEADENT M.S.D.N. 11373893 * Q.PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 và từ A9 đến A17 (đã nêu ở mục II.1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung của Công ty Cổ phần S1 trên tài liệu mẫu ký hiệu M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 18/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Duy Bảo T về tội "Tham ô tài sản". Ngày 26/12/2023, T bị bắt tạm giam. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 238/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Bảo T 12 (mười hai) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

Ngoài ra, bản án còn quyết định trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2025, bị cáo Nguyễn Duy Bảo T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phần tranh tụng đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật; nay tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp chứng từ đã nộp 144.179.500 đồng tại Thi hành án dân sự Thành phố H để bồi thường cho bị hại nên bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả; đây là căn cứ mới đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo và bị cáo nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Mong Hội đồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy Bảo T đối với bản án sơ thẩm đúng quy định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy:

[2.1]. Bị cáo Nguyễn Duy Bảo T lợi dụng quyền hạn là nhân viên kinh doanh của Công ty S1 và có nhiệm vụ thu hồi công nợ về cho công ty; bị cáo T thu hồi của Công ty TNHH S1 thu hồi số tiền 1.072.724.500 đồng, từ 02 hợp đồng mua bán trụ Implant giữa 02 công ty nhưng bị cáo chỉ nộp về Công ty S1 số tiền 478.545.000 đồng và chiếm đoạt số tiền 594.179.500 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T phạm tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[2.2]. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội như: Để che dấu việc chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo đã soạn thảo, giả chữ ký của ông Võ Hoàng N trên các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-HCM/HDMBIPL/062019 ngày 05/6/2019, số 01-HCM/HDMBIPL/072019 ngày 01/7/2019 và Biên bản thanh lý hợp đồng số 01-HĐMBIPL/072019/TLHĐ/NK ngày 10/7/2019 giữa Công ty S1, tạo các tài khoản mạng xã hội zalo, hộp thư điện tử giả tên kế toán Nha khoa I-Dent nhắn tin trao đổi với kế toán của Công ty S1 để xin chậm trả nợ. Thực tế, toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của Công ty S1, bị cáo sử dụng riêng và tiêu xài cá nhân hết và bị cáo phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình nộp khắc phục số tiền 450.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại; gia đình bị cáo có bà nội Võ Thị P được tặng danh hiệu 50 năm tuổi đảng, cha và ông nội nhiều năm công tác trong quân đội, trong đó cha được tặng danh hiệu 30 năm tuổi đảng, đang hưởng chế độ hưu trí theo quy định; tại phiên tòa đại diện bị hại cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 12 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[2.3]. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu Biên lai thu tiền ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H, với số tiền 144.179.500 đồng để bồi thường số tiền còn lại cho bị hại nên bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả; đây là căn cứ mới để tiếp tục giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của Luật sư bào chữa cho bị cáo, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án hình sự sơ thẩm và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy Bảo T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 238/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Bảo T 10 (mười) năm tù, về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023; tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Duy Bảo T 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Duy Bảo T không phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh ;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- CA TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- BC (nhờ Trại tạm giam tống đạt cho BC);
- Lưu.

Đặng Văn Ý